

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3 - 5
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012.

**1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

**2. Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

**3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con**

<b><u>Tên đơn vị</u></b>	<b><u>Địa chỉ</u></b>
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, toà nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 52 đường số 3, KCN Tân Bình, Hồ Chí Minh.
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

**4. Các hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

**5. Kết quả của thời kỳ tài chính**

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 31.

**6. Tài sản lưu động**

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

**7. Các khoản nợ bất ngờ**

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

**8. Các khoản mục bất thường**

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

**9. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính.

**10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 20 tháng 01 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.709.890.295.462</b>	<b>2.047.189.859.482</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>196.944.264.591</b>	<b>236.432.641.518</b>
1. Tiền	111		91.944.264.591	233.126.974.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.000.000.000	3.305.666.877
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.02	<b>7.683.098.000</b>	<b>8.129.860.614</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.771.245.925	12.476.275.919
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(3.088.147.925)	(4.346.415.305)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.03	<b>1.090.328.976.169</b>	<b>1.187.249.323.760</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.040.446.183.805	1.178.622.211.479
2. Trả trước cho người bán	132		57.755.545.318	16.130.703.706
3. Các khoản phải thu khác	135		14.467.891.686	525.560.038
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(22.340.644.640)	(8.029.151.463)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>372.594.568.830</b>	<b>423.086.697.529</b>
1. Hàng tồn kho	141		382.982.715.847	436.236.467.601
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.388.147.017)	(13.149.770.072)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>42.339.387.872</b>	<b>192.291.336.061</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.832.014.829	423.003.077
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.686.283.315	21.631.300.275
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	169.132.715
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.821.089.728	170.067.899.994
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>415.102.113.761</b>	<b>328.072.049.814</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>300.347.887.843</b>	<b>255.471.999.931</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	199.432.223.927	180.998.466.745
- Nguyên giá	222		330.742.531.655	253.196.296.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.310.307.728)	(72.197.829.570)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		38.266.812.860	11.613.298.751
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	31.419.205.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(648.590.049)	(19.805.906.751)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	54.618.638.505	55.244.377.192
- Nguyên giá	228		56.943.236.486	56.943.236.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.324.597.981)	(1.698.859.294)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	8.030.212.551	7.615.857.243
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.09	<b>102.465.715.628</b>	<b>58.576.044.663</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		42.124.092.358	1.731.515.945
2. Đầu tư dài hạn khác	258		93.278.994.814	86.896.618.092
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(32.937.371.544)	(30.052.089.374)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	V.10	<b>6.350.816.857</b>	<b>7.053.670.787</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.349.339.214	2.898.665.325
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	209.191.994
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.001.477.643	3.945.813.468
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	<b>269</b>	V.11	<b>5.937.693.433</b>	<b>6.970.334.433</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.124.992.409.223</b>	<b>2.375.261.909.296</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1.545.698.351.986</b>	<b>1.800.009.322.203</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	V.12	<b>1.400.568.819.649</b>	<b>1.756.203.479.897</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		696.576.079.502	718.021.184.401
2. Phải trả người bán	312		668.436.918.481	921.771.926.997
3. Người mua trả tiền trước	313		9.455.151.348	87.486.791.721
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		10.060.405.055	11.187.650.917
5. Phải trả người lao động	315		5.202.634.131	4.729.848.165
6. Chi phí phải trả	316		1.097.557.412	4.867.509.601
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.377.701.948	2.702.059.153
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.362.371.772	5.436.508.942
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	V.13	<b>145.129.532.337</b>	<b>43.805.842.306</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		210.600.000	210.600.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		73.686.034.377	43.050.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	545.242.306
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		71.232.897.960	
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>574.113.242.199</b>	<b>570.812.668.740</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>574.113.242.199</b>	<b>570.812.668.740</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		74.085.676.264	71.383.287.732
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.652.246.242	13.031.578.908
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.802.432.332	37.824.914.740
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>	V.15	<b>5.180.815.038</b>	<b>4.439.918.353</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.124.992.409.223</b>	<b>2.375.261.909.296</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/09/2012	01/01/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	-
2. Ngoại tệ các loại - USD	934.273,80	171,277,07

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đỗ Doãn Thành Công  
 Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng  
 Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 20 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		8.973.371.666.875	8.979.224.406.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		11.824.009.729	39.459.667.597
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.16	<b>8.961.547.657.146</b>	<b>8.939.764.739.036</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	8.718.860.122.456	8.625.915.474.845
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>242.687.534.690</b>	<b>313.849.264.191</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	31.993.459.567	37.211.653.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	80.725.432.214	145.649.353.881
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		67.967.814.119	97.497.444.493
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			1.627.014.790	29.979.850.173
8. Chi phí bán hàng	24	VI.20	79.107.211.980	80.930.500.794
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	69.479.103.287	58.564.723.211
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>45.369.246.776</b>	<b>65.916.339.803</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.22	38.124.910.904	31.881.284.148
12. Chi phí khác	32	VI.23	8.292.777.174	10.923.723.852
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>29.832.133.730</b>	<b>20.957.560.296</b>
14. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		(62.423.588)	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>75.138.956.919</b>	<b>86.873.900.099</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	15.399.606.545	12.897.206.118
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.25	209.191.994	853.222.571
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>59.530.158.379</b>	<b>73.123.471.410</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:</b>				
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		757.876.196	710.124.707
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		58.772.282.183	72.413.346.703
<b>21. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	70	VI.26	<b>1.991</b>	<b>2.903</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



*[Handwritten signature]*

**Đỗ Doãn Thành Công**  
Người lập biểu

*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Bình Trọng**  
Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 01 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Từ ngày 01/10/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/10/2011 đến 31/12/2011	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2.205.650.786.592	2.244.005.300.708	8.973.371.666.875	8.979.224.406.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3.706.512.947	3.692.976.704	11.824.009.729	39.459.667.597
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.16	2.201.944.273.645	2.240.312.324.004	8.961.547.657.146	8.939.764.739.036
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	2.132.778.168.102	2.167.941.902.474	8.718.860.122.456	8.625.915.474.845
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.166.105.543	72.370.421.530	242.687.534.690	313.849.264.191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	13.026.098.669	5.358.824.215	31.993.459.567	37.211.653.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	19.058.983.950	43.256.230.832	80.725.432.214	145.649.353.881
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.668.058.668	17.672.958.860	67.967.814.119	97.497.444.493
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			1.094.474.563	18.061.802.222	1.627.014.790	29.979.850.173
8. Chi phí bán hàng	24	VI.20	21.850.429.908	21.081.976.624	79.107.211.980	80.930.500.794
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	28.636.519.049	21.263.788.850	69.479.103.287	58.564.723.211
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.646.271.305	(7.872.750.561)	45.369.246.776	65.916.339.803
11. Thu nhập khác	31	VI.22	12.733.295.639	18.456.035.058	38.124.910.904	31.881.284.148
12. Chi phí khác	32	VI.23	2.344.577.281	9.878.587.867	8.292.777.174	10.923.723.852
13. Lợi nhuận khác	40		10.388.718.358	8.577.447.191	29.832.133.730	20.957.560.296
14. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		(39.184.671)		(62.423.588)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.995.804.993	704.696.630	75.138.956.919	86.873.900.099
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	4.383.119.494	(993.270.688)	15.399.606.545	12.897.206.118
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.25	209.191.994	749.791.827	209.191.994	853.222.571
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.403.493.505	948.175.491	59.530.158.379	73.123.471.410
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:</b>						
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		657.548.188	4.955.769	757.876.196	710.124.707
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		17.745.945.317	943.219.722	58.772.282.183	72.413.346.703
21. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	VI.26	601		1.991	2.903

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

  
Đỗ Doanh Thành Công  
Người lập biểu

  
Nguyễn Bình Trọng  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 01 năm 2013





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

**HỢP NHẤT SMC**

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế / (lỗ)</i>	<i>01</i>	<i>75.138.956.919</i>	<i>86.873.900.099</i>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	40.580.900.143	37.988.890.821
Các khoản dự phòng	03	13.176.884.912	49.880.858.025
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.633.356.165)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.745.862.359)	(20.983.989.775)
Chi phí lãi vay	06	67.967.814.119	97.497.444.493
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>179.118.693.734</i>	<i>249.623.747.498</i>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	74.755.645.089	(358.752.724.730)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	53.253.751.754	419.584.497.334
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(277.750.005.237)	(31.601.169.050)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(3.859.685.641)	(478.384.746)
Tiền lãi vay đã trả	13	(66.870.256.707)	(3.799.484.345)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.998.607.250)	(14.953.560.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	163.191.146.091	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(374.000.000)	(13.445.084.775)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>102.466.681.832</b>	<b>246.177.837.143</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(85.456.788.055)	(7.508.112.943)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	201.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(704.448.202.867)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	753.989.208.067
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(45.069.923.141)	(10.795.866.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.516.448.130
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.745.862.359	20.948.996.812
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(112.780.848.837)</b>	<b>53.904.289.381</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.190.929.478	4.081.827.919.053
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.259.316.963.970)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(2.075.702.997)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.365.139.400)	(27.056.939.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(29.174.209.922)</b>	<b>(206.621.687.614)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(39.488.376.927)</b>	<b>93.460.438.910</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	236.432.641.518	142.769.790.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		202.411.906
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>196.944.264.591</b>	<b>236.432.641.518</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

*Đỗ Doãn Thành Công*

Đỗ Doãn Thành Công  
Người lập biểu

*Nguyễn Bình Trọng*

Nguyễn Bình Trọng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 01 năm 2013



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

### 2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng.

### 3 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

### 4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

### 5 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đông An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 52 đường số 3, KCN Tân Tạo, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	80,64%	80,64%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35,00%	35,00%



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động của Nhóm Công ty đến ngày 31/12/2012: 368 người.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

## IV Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### 4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

### 5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 9. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

#### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 48 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 03 năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

### 12. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị

05 năm

### 13. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí triển khai dự án
- Phí hạ tầng khu công nghiệp
- Chi phí cải tạo nhà kho
- Chi phí chờ phân bổ khác

### 14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty không trích lập theo thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp.

### 17. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

### 18. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 20. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

#### Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### **Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

### **Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu**

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

## **21. Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

## **22. Thuế**

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Nhóm Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Nhà máy Cơ khí - Thép SMC" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm tài chính thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm thép" bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm tài chính thứ sáu Công ty được hưởng thuế suất 15% đối với hoạt động gia công.

- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đóng gói thủy sản, kho vận và gia công thép lá cuộn" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Nhóm Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### **Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## 23. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2012	01/01/2012
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	2.345.602.568	1.581.942.161
Tiền gửi ngân hàng	(*) 194.598.662.023	234.850.699.357
<b>Cộng</b>	<b>196.944.264.591</b>	<b>236.432.641.518</b>

(\*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 934,273.8 USD tương đương 8.480.339.423 đồng.

	31/12/2012	01/01/2012
<b>2. Đầu tư ngắn hạn</b>		
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	10.771.245.925	12.476.275.919
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.088.147.925)	(4.346.415.305)
<b>Cộng</b>	<b>(*) 7.683.098.000</b>	<b>8.129.860.614</b>

(\*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2012

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
<b>Chứng khoán đã niêm yết</b>				
(**) Công ty CP Thép Pomina	171.700	3.976.895.462	(1.779.135.462)	2.197.760.000
(**) Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	160.000	3.185.958.563	(209.958.563)	2.976.000.000
<b>Chứng khoán chưa niêm yết</b>				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
(**) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(**) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(**) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
<b>Cộng</b>		<b>10.771.245.925</b>	<b>(3.088.147.925)</b>	<b>7.683.098.000</b>

(\*\*) Trong năm 2012, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 812.993.300 đồng và bằng cổ phiếu là 72.730 cổ phiếu.

Năm 2012 Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị tại ngày 31/12/2010.

	31/12/2012	01/01/2012
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng	(3.1) 1.040.446.183.805	1.178.622.211.479
Trả trước cho người bán	(3.2) 57.755.545.318	16.130.703.706
Phải thu khác	(3.3) 14.467.891.686	525.560.038
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (22.340.644.640)	(8.029.151.463)
<b>Cộng</b>	<b>1.090.328.976.169</b>	<b>1.187.249.323.760</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2012	01/01/2012
<b>(3.1) Bao gồm:</b>		
- Phải thu thương mại (*)	1.031.755.349.406	1.178.622.211.479
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	8.690.834.399	-
<b>Cộng</b>	<b>1.040.446.183.805</b>	<b>1.178.622.211.479</b>
(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 310,376.27 USD tương đương 6.461.959.666 đồng.		
<b>(3.2) Bao gồm:</b>		
- Trả trước thương mại	57.755.545.318	4.002.177.206
- Trả trước đến Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		2.028.526.500
- Trả trước tiền mua cổ phiếu		10.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.755.545.318</b>	<b>16.130.703.706</b>
<b>(3.3) Bao gồm:</b>		
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ	702.197.034	184.587.896
- Phải thu lãi quá hạn		314.902.087
- Các khoản phải thu khác	13.765.694.652	26.070.055
<b>Cộng</b>	<b>14.467.891.686</b>	<b>525.560.038</b>
<b>(3.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:</b>		
Số dư đầu năm (01/01/2012)		(8.029.151.463)
Tăng (giảm) do trích lập (hoàn nhập) dự phòng		(14.311.493.177)
<b>Số dư cuối kỳ (31/12/2012)</b>		<b>(22.340.644.640)</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên vật liệu	216.719.332.616	300.103.348.577
Công cụ, dụng cụ	148.001.632	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hàng gửi gia công)	2.336.867.866	2.149.710.001
Thành phẩm tồn kho	54.635.419.117	24.175.098.513
Hàng hoá	109.143.094.616	109.808.310.510
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.388.147.017)	(13.149.770.072)
<b>Cộng</b>	<b>372.594.568.830</b>	<b>423.086.697.529</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.832.014.829	423.003.077
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	30.686.283.315	21.631.300.275
Thuế nộp thừa	-	169.132.715
Tài sản ngắn hạn khác (*)	7.821.089.728	170.067.899.994
<b>Cộng</b>	<b>42.339.387.872</b>	<b>192.291.336.061</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
- Các khoản tạm ứng	479.570.000	349.760.000
- Ký quỹ khác	21.500.000	104.979.160
Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	45.708.408.458
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	2.743.359.728	3.927.349.248
- Ký quỹ mua hàng hoá (220,000.00 USD)	4.576.660.000	119.977.403.128
<b>Cộng</b>	<b>7.821.089.728</b>	<b>170.067.899.994</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	114.309.202.047	80.269.840.602	42.879.419.409	15.737.834.257	253.196.296.315
Tăng	27.411.529.441	37.563.900.151	15.425.338.164	988.159.909	81.388.927.665
Giảm	3.842.692.325	-	-	-	3.842.692.325
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>137.878.039.163</b>	<b>117.833.740.753</b>	<b>58.304.757.573</b>	<b>16.725.994.166</b>	<b>330.742.531.655</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	21.553.642.194	26.608.001.649	16.181.965.159	7.854.220.568	72.197.829.570
Tăng	9.735.007.622	40.119.956.929	7.291.489.191	3.003.926.675	60.150.380.417
Giảm	1.037.902.259	-	-	-	1.037.902.259
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.250.747.557</b>	<b>66.727.958.578</b>	<b>23.473.454.350</b>	<b>10.858.147.243</b>	<b>131.310.307.728</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	92.755.559.853	53.661.838.953	26.697.454.250	7.883.613.689	180.998.466.745
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>107.627.291.606</b>	<b>51.105.782.175</b>	<b>34.831.303.223</b>	<b>5.867.846.923</b>	<b>199.432.223.927</b>

Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ do mua mới và giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.769.011.519 đồng.

Tại ngày 31/12/2012, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 151.193.019.778 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại thuyết minh số **V.13.1** và **V.14a**

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		
Tăng	38.915.402.909	38.915.402.909
Giảm		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>38.915.402.909</b>	<b>38.915.402.909</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm		648.590.049	648.590.049
Tăng		-	-
Giảm		-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>648.590.049</b>	<b>648.590.049</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm		-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>38.266.812.860</b>	<b>38.266.812.860</b>
<b>8. Tài sản cố định vô hình</b>	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	56.543.764.270	399.472.216	56.943.236.486
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(*) 56.543.764.270</b>	<b>399.472.216</b>	<b>56.943.236.486</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.414.564.906	284.294.388	1.698.859.294
Tăng	552.801.700	72.936.987	625.738.687
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.967.366.606</b>	<b>357.231.375</b>	<b>2.324.597.981</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	55.129.199.364	115.177.828	55.244.377.192
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>54.576.397.664</b>	<b>42.240.841</b>	<b>54.618.638.505</b>

(\*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng; quyền sử dụng đất tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trị giá 1.374.739.810 đồng (đang làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mang tên Công ty); quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng; quyền sử dụng đất có thời hạn 40 năm (đến 29/12/2048) tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM trị giá 18.861.911.706 đồng; quyền sử dụng đất (chi phí đền bù) có thời hạn đến tháng 7/2052 tại Khu Công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) trị giá 349.285.134 đồng.

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 190.338.816 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 33.607.900.000 đồng như được trình bày tại thuyết minh V.13.1.

<b>9. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí liên quan đến việc lắp đặt phần mềm ERP	7.730.212.551	5.154.067.854
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Công ty TNHH Thép SMC		2.012.536.662
Các công trình khác	300.000.000	449.252.727
<b>Cộng</b>	<b>8.030.212.551</b>	<b>7.615.857.243</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(10.1)	42.124.092.358	1.731.515.945
Đầu tư dài hạn khác	(10.2)	93.278.994.814	86.896.618.092
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.2)	(32.937.371.544)	(30.052.089.374)
<b>Cộng</b>		<b>102.465.715.628</b>	<b>58.576.044.663</b>

(10.1) Bao gồm:	Giá trị đầu tư	Phần lãi (lỗ) thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty LK, LD	Cộng
<b>Các công ty chưa niêm yết</b>			
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	41.640.000.000	(62.423.588)	41.577.576.413
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	565.000.000	(18.484.055)	546.515.945
<b>Cộng</b>	<b>42.205.000.000</b>	<b>(80.907.643)</b>	<b>42.124.092.358</b>

(\*\*) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, bên SMC đã được hoàn lại giá trị đầu tư 1.185.000.000 đồng nên Công ty đã ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên, đồng thời trích dự phòng đầu tư cho giá trị còn lại 565.000.000 đồng chưa thu hồi được.

(10.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2012

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
<b>Chứng khoán đã niêm yết</b>				
(*) Công ty CP Thép Pomina	1.430.000	33.599.960.344	(15.295.960.344)	18.304.000.000
Ngân hàng TMCP Công				
(*) Thương Việt Nam	50.000	808.227.270	-	808.227.270
<b>Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM</b>				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(8.011.911.200)	4.163.896.000
(*) Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.064.500.000)	655.500.000
<b>Chứng khoán chưa niêm yết</b>				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
Tổng Công ty Thép	1.000.000	10.100.000.000		10.100.000.000
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư				
(**) Nam Long	1.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Công ty CP SX TM ĐT Sao Việt	11,30%		(565.000.000)	(565.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>93.278.994.814</b>	<b>(32.937.371.544)</b>	<b>60.341.623.270</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Trong năm 2012, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 2.528.024.360 đồng và bằng cổ phiếu là 59.200 cổ phiếu.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty không xác định được giá trị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

(\*\*) Đầu tư mua 1.000 trái phiếu không chuyển đổi của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (mệnh giá 10.000.000 đồng / trái phiếu) với giá mua là 10.000.000 đồng / trái phiếu; kỳ hạn: 2 năm (từ 15/7/2011 đến 15/7/2013); lãi suất: năm đầu tiên: 27 %/năm, năm sau: 5 % + trung bình cộng lãi tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng. Trong năm 2012, Công ty đã nhận được lãi trái phiếu là 2.700.000.000 đồng.

11. Tài sản dài hạn khác		31/12/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	(11.1)	3.349.339.214	2.898.665.325
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	209.191.994
Tài sản dài hạn khác	(11.2)	3.001.477.643	3.945.813.468
<b>Cộng</b>		<b>6.350.816.857</b>	<b>7.053.670.787</b>

(11.1) Bao gồm:		31/12/2012	01/01/2012
- Phí hạ tầng khu công nghiệp trả trước		1.036.708.336	710.062.045
- Chi phí triển khai dự án Phú Mỹ chờ phân bổ		1.181.064.436	1.417.277.323
- Chi phí cải tạo nhà kho chờ phân bổ		349.949.495	672.979.798
- Chi phí trả trước dài hạn khác		781.616.947	98.346.159
<b>Cộng</b>		<b>3.349.339.214</b>	<b>2.898.665.325</b>

(11.2) Bao gồm:		31/12/2012	01/01/2012
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease		-	940.728.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		3.001.477.643	3.005.084.668
<b>Cộng</b>		<b>3.001.477.643</b>	<b>3.945.813.468</b>

12. Lợi thế thương mại		31/12/2012	01/01/2012
	(*)	<b>5.937.693.433</b>	<b>6.970.334.433</b>

(\*) Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội chờ phân bổ

13. Nợ ngắn hạn		31/12/2012	01/01/2012
Vay và nợ ngắn hạn	(13.1)	696.576.079.502	718.021.184.401
Phải trả người bán	(13.2)	668.436.918.481	921.771.926.997
Người mua trả tiền trước	(13.3)	9.455.151.348	87.486.791.721
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(13.4)	10.060.405.055	11.187.650.917
Phải trả người lao động		5.202.634.131	4.729.848.165
Chi phí phải trả	(13.5)	1.097.557.412	4.867.509.601
Các khoản phải trả khác	(13.6)	1.377.701.948	2.702.059.153



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.362.371.772	5.436.508.942
<b>Cộng</b>		<b>1.400.568.819.649</b>	<b>1.756.203.479.897</b>
<b>(13.1) bao gồm:</b>		31/12/2012	01/01/2012
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a)	173.412.002.442	29.030.860.571
- NH TMCP Công Thương - CN Đông Sài Gòn		-	82.020.931.678
- NH TNHH MTV ANZ Việt Nam	(b)	98.151.347.364	182.400.000.000
- NH TNHH MTV HSBC Việt Nam	(c)	82.615.650.000	186.333.809.974
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	(d)	168.959.454.147	128.419.197.878
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định		-	27.800.000.000
- NH TNHH MTV Hong Leong Việt Nam		-	39.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (VN)	(e)	132.000.000.000	
- NH Nno & PTNT - CN Trảng An		-	2.784.670.112
- Công ty TNHH SMC-Summit	(f)	24.000.000.000	27.694.566.000
- <i>Vay dài hạn và Nợ dài hạn thuê mua TC đến hạn trả</i>		17.437.625.549	12.537.148.188
<b>Cộng</b>		<b>696.576.079.502</b>	<b>718.021.184.401</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 12.122061/HĐTDHM ngày 28/04/2012 với hạn mức tín dụng là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 3 đến 6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **173.412.002.442 đồng**.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) ngày 01/12/2011 với tổng hạn mức là 10.000.000 USD (Mười triệu dola Mỹ), thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **98.151.347.364 đồng**.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM07120631 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ngày 26/4/2012 với tổng hạn mức là 280 tỷ đồng, thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **82.615.650.000 đồng**.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0272/KH/11NH ngày 22/12/2011 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 4-6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **168.959.454.147 đồng**.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số BFL/12-11 ngày 05/04/2012 với hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD (Mười lăm triệu dola Mỹ). Thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **132.000.000.000 đồng**.

(f) Vay Liên doanh Công ty TNHH SMC-Summit theo hợp đồng 007/SMC-2012 ngày 23/08/2012 và các phụ lục hợp đồng gia hạn, theo đó SMC vay với thời hạn 01 tháng, lãi suất 9%/năm, tiền lãi được trả cuối kỳ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **24.000.000.000 đồng**.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.2) Bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
- Phải trả thương mại	(*) 668.436.918.481	921.771.926.997
<b>Cộng</b>	<b>668.436.918.481</b>	<b>921.771.926.997</b>
(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả có gốc ngoại tệ là 4,321,198.30 USD tương đương 89.893.888.235 đồng.		
(13.3) Bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
- Các khoản người mua trả trước thương mại	9.455.151.348	87.486.791.721
<b>Cộng</b>	<b>9.455.151.348</b>	<b>87.486.791.721</b>
(13.4) Bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	4.391.757.496	1.941.881.888
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.220.320.517	8.819.321.222
- Thuế thu nhập cá nhân	448.327.042	426.447.807
<b>Cộng</b>	<b>10.060.405.055</b>	<b>11.187.650.917</b>
(13.5) Bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
- Chi phí lãi vay phải trả	1.097.557.412	3.799.484.345
- Chi phí thuế TNDN phải trả tạm tính	-	1.068.025.256
<b>Cộng</b>	<b>1.097.557.412</b>	<b>4.867.509.601</b>
(13.6) Bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
- Kinh phí công đoàn, đoàn thể phí	771.054.443	287.777.510
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt		1.120.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt		702.821.350
- Nhận đặt cọc cho thuê kho ngắn hạn	-	247.320.000
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.2)	211.777.778	
- Các khoản phải trả khác	394.869.727	344.140.293
<b>Cộng</b>	<b>1.377.701.948</b>	<b>2.702.059.153</b>
<b>14. Nợ dài hạn</b>	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc cho thuê kho)	210.600.000	210.600.000
Vay và nợ dài hạn	(*) 73.686.034.377	43.050.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	71.232.897.960	
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	545.242.306
<b>Cộng</b>	<b>145.129.532.337</b>	<b>43.805.842.306</b>
(*) Chi tiết khoản vay dài hạn:	31/12/2012	01/01/2012
- NH TMCP Công Thương - CN Tp.HCM	(a) 62.850.000.000	54.530.000.000
- Nợ dài hạn (Cty TNHH Cho thuê TC Quốc tế VN)	(b) 28.273.659.926	1.057.148.188
- Vay dài hạn và Nợ dài hạn đến hạn trả	(c) (17.437.625.549)	(12.537.148.188)
<b>Cộng</b>	<b>73.686.034.377</b>	<b>43.050.000.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng 09.675003/HĐTD.TDH ngày 30/7/2009, tổng hạn mức tín dụng: 99,9 tỷ đồng, thời hạn vay: 7 năm, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay: thực hiện dự án đầu tư nhà máy Cơ khí Thép SMC tại khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai. Số dư nợ vay đến 31/12/2012 là **31.570.000.000 đồng**.

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng 12.146001/HĐTD.DH ngày 12/12/2012, tổng hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng, thời hạn vay: 6,5 năm, lãi suất 15% năm điều chỉnh 3 tháng lần, mục đích vay: Bổ đắp chi phí đầu tư dự án trung tâm gia công thép lá cuộn, dự án đầu tư nhà máy Coil - Center tại Hà Nội - SMC Hà Nội vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản nhà đất nhà máy gia công thép lá cuộn của SMC Hà Nội. Số dư nợ vay đến 31/12/2012 là **19.800.000.000 đồng**.

(b) Khoản thuê mua tài chính theo hợp đồng cho thuê 2011-00105-000 ngày 04/11/2011 và 2011-00090-000 ngày 21/10/2011 giữa Công ty và Công ty TNHH cho thuê Tài chính Việt Nam, thuê mua Tài chính TSCĐ là máy móc thiết bị. Thời hạn thuê 60 tháng với lãi suất 6% + Libor

### 15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	01/01/2012	Tăng	Giảm	31/12/2012
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
(b) Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
(c) Quỹ đầu tư phát triển	71.383.287.732	10.862.002.005	8.159.613.472	74.085.676.265
Quỹ dự phòng tài chính	13.031.578.908	3.620.667.335		16.652.246.243
(d) Lợi nhuận chưa phân phối	37.824.914.740	58.772.282.183	61.794.764.592	34.802.432.331
<b>Cộng</b>	<b>570.812.668.740</b>	<b>73.254.951.523</b>	<b>69.954.378.064</b>	<b>574.113.242.199</b>

(a) Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 05/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

	31/12/2012	31/12/2011
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>29.511.643</b>	<b>29.511.643</b>
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643

(b) Tính đến 31/12/2012, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Trong năm 2012, Công ty đã sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển để làm nguồn điều chỉnh cho thuế TNDN các năm trước được quyết toán tại Công ty và Công ty Con (100% vốn đầu tư). Đây là khoản thuế TNDN phải sử dụng nguồn từ lợi nhuận các năm trước, nhưng do lợi nhuận sau thuế các năm trước 2012 đã được phân phối hết vào các Quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức. Do đó Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để làm nguồn cân đối các khoản chi phí thuế TNDN này, không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận thực phát sinh của năm 2012.

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm 2008, 2009 tại Công ty SMC.	(2.704.795.130)
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp theo Biên bản quyết toán thuế từ năm 2007 đến năm 2009 tại Công ty TNHH Thép SMC	(3.703.033.126)
- Điều chỉnh thuế TNDN quyết toán thiếu năm 2011 tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC.	(1.751.785.216)
	<b>(8.159.613.472)</b>

**(d) Phân phối lợi nhuận**

<b>Lợi nhuận phân phối còn lại năm 2011</b>	<b>1.155.085.731</b>
- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2012	37.824.914.740
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2011	(3.620.667.335)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2011	(10.862.002.004)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2011	(7.241.334.670)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 2/2011	(190.000.000)
- Trả cổ tức (đợt cuối) năm 2011 bằng tiền	(*) (14.755.825.000)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm nay</b>	<b>33.647.346.601</b>
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2012	58.772.282.183
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 1/2012	(184.000.000)
- Trả cổ tức (đợt 1) năm 2012 bằng tiền	(**) (23.609.314.400)
- Sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm 2012	(1.331.621.182)
<b>Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2012</b>	<b>34.802.432.332</b>

(\*) Ngày 11 tháng 01 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2011 bằng tiền là 5% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 11/01/2012.

(\*\*) Ngày 29 tháng 06 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền là 8% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 171/NQ-HĐQT ngày 29/06/2012.

<b>16. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	31/12/2012	01/01/2012
Lợi ích cổ đông thiểu số đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	5.180.815.038	4.439.918.353
<b>Cộng</b>	<b>5.180.815.038</b>	<b>4.439.918.353</b>

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>17. Doanh thu thuần</b>	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	8.962.950.082.035	8.968.997.079.058
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.421.584.840	10.227.327.575
Giảm giá hàng bán	(6.321.520.896)	(71.738.046)
Hàng bán bị trả lại	(5.502.488.833)	(39.387.929.551)
<b>Cộng</b>	<b>8.961.547.657.146</b>	<b>8.939.764.739.036</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>18. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	8.721.621.745.511	8.625.915.474.845
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(2.761.623.055)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.718.860.122.456</b>	<b>8.625.915.474.845</b>
<b>19. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.696.011.223	14.312.435.986
Lãi ký quỹ	603.833.476	565.478.786
Chiết khấu thanh toán nhận được	528.189.581	1.414.346.082
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.901.799.891	13.388.183.553
Lãi bán chứng khoán	5.817.607.736	1.447.350.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.446.017.660	6.071.082.040
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	12.777.051
<b>Cộng</b>	<b>31.993.459.567</b>	<b>37.211.653.498</b>
<b>20. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	67.967.814.119	97.497.444.493
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1.627.014.790	29.979.850.173
Lỗ bán chứng khoán	4.614.796.008	1.516.448.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.473.824.634	16.655.611.085
Chi phí tài chính khác	41.982.663	-
<b>Cộng</b>	<b>80.725.432.214</b>	<b>145.649.353.881</b>
<b>21. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	17.906.257.002	16.537.873.870
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, dụng cụ	62.664.700	191.295.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.372.105.791	6.328.711.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.307.796.975	53.034.584.190
Chi phí khác bằng tiền	3.458.387.512	4.838.036.586
<b>Cộng</b>	<b>79.107.211.980</b>	<b>80.930.500.794</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>22. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	21.335.846.878	18.130.207.235
Chi phí dụng cụ văn phòng	244.720.665	369.654.176
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.630.243.183	7.022.759.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.166.521.097	18.573.867.545
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	14.311.493.177	6.751.237.780
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	1.032.641.000	1.032.641.000
Chi phí bằng tiền khác	6.757.637.287	6.684.355.911
<b>Cộng</b>	<b>69.479.103.287</b>	<b>58.564.723.211</b>
	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>23. Thu nhập khác</b>		
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, phế liệu	4.117.357.235	1.254.837.118
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	1.948.188.016	736.475.000
Thu tiền bồi thường	1.122.694.530	82.509.567
Thu lãi sử dụng vốn sau khi lắp đặt không vận hành và hoạt động theo yêu cầu	-	1.012.222.222
	-	9.242.154.072
Thu lãi vi phạm hợp đồng	460.804.646	600.000.000
Thu lãi quá hạn	15.816.924.822	9.355.971.333
Xử lý kiểm kê	12.541.654.435	8.359.057.764
Bất lợi thương mại khi hợp nhất	-	341.039.177
Thu nhập khác	2.117.287.220	897.017.895
<b>Cộng</b>	<b>38.124.910.904</b>	<b>31.881.284.148</b>
	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>24. Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.804.790.066	-
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính sử dụng cho thuê	648.590.023	407.746.141
Các khoản tiền phạt	1.926.643.817	646.796.182
Chi phí liên quan đến lắp đặt máy móc thiết bị không vận hành và hoạt động theo yêu cầu	-	8.303.973.416
Xử lý công nợ	-	230.619.939
Xử lý kiểm kê	1.299.922.271	1.035.799.675
Chi phí khác	1.612.830.997	298.788.499
<b>Cộng</b>	<b>8.292.777.174</b>	<b>10.923.723.852</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>25. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất		749.791.827
- Chi phí khấu hao phát sinh tại Công ty TNHH Thép SMC	209.191.994	103.430.744
<b>Cộng</b>	<b>209.191.994</b>	<b>853.222.571</b>
<b>26. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại các công ty:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	10.210.456.502	3.151.538.503
- Công ty TNHH Thép SMC	1.321.427.459	3.023.933.087
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	825.068.733	3.223.662.570
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	757.082.370	-
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	1.455.229.925	2.654.230.917
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	-	576.448.988
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	830.341.557	267.392.053
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành đã trích</b>	<b>15.399.606.545</b>	<b>12.897.206.118</b>
<b>27. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.530.158.379	73.123.471.410
Các khoản điều chỉnh tăng / giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	757.876.196	710.124.707
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.772.282.183	72.413.346.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.511.643	24.943.729
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.991</b>	<b>2.903</b>
<b>28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	307.385.365	560.949.266
Chi phí nhân công	39.242.103.880	34.668.081.105
Chi phí khấu hao	15.002.348.974	13.351.470.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.474.318.072	71.608.451.735
Chi phí khác bằng tiền	25.560.158.976	19.306.271.277
<b>Cộng</b>	<b>148.586.315.267</b>	<b>139.495.224.005</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VII. Thông tin khác**

**1. Báo cáo bộ phận**

Tại ngày 31/12/2012, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Hồ Chí Minh	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Nội	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	5.410.320.749.903	1.311.463.064.342	2.183.872.331.558	55.891.511.343	-	8.961.547.657.146
Giữa các bộ phận	2.276.891.461.499	9.227.723.619	615.071.553.562	215.979.641.334	(3.117.170.380.014)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.687.212.211.402</b>	<b>1.320.690.787.961</b>	<b>2.798.943.885.120</b>	<b>271.871.152.677</b>	<b>(3.117.170.380.014)</b>	<b>8.961.547.657.146</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Lợi nhuận gộp	148.961.954.215	24.115.996.808	65.623.670.556	10.501.979.963	(6.516.066.852)	242.687.534.690
Chi phí hoạt động	(82.931.922.865)	(19.469.991.948)	(45.583.233.917)	(6.084.592.389)	5.483.425.852	(148.586.315.267)
Lợi nhuận / (lỗ) khác	13.579.284.856	982.775.222	14.844.141.085	425.932.567	-	29.832.133.730
Thu nhập tài chính	82.373.291.457	146.585.750	3.829.535.966	588.476.595	(54.944.430.201)	31.993.459.567
Chi phí tài chính	(60.642.998.111)	(4.070.932.994)	(22.087.713.948)	(686.987.837)	6.763.200.676	(80.725.432.214)
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	-	-	-	-	(62.423.588)	(62.423.588)
Lợi nhuận trước thuế	<b>101.339.609.552</b>	<b>1.704.432.838</b>	<b>16.626.399.742</b>	<b>4.744.808.899</b>	<b>(49.276.294.113)</b>	<b>75.138.956.919</b>
Thuế TNDN	11.665.686.426	825.068.733	2.287.701.823	830.341.557	-	15.608.798.539
Lợi nhuận sau thuế	<b>89.673.923.126</b>	<b>879.364.105</b>	<b>14.338.697.919</b>	<b>3.914.467.342</b>	<b>(49.276.294.113)</b>	<b>59.530.158.379</b>

**Tài sản và nợ phải trả**

Tài sản của bộ phận	1.913.564.999.130	261.633.432.617	657.466.081.661	104.235.981.361	(811.908.085.547)	2.124.992.409.223
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.913.564.999.130</b>	<b>261.633.432.617</b>	<b>657.466.081.661</b>	<b>104.235.981.361</b>	<b>(811.908.085.547)</b>	<b>2.124.992.409.223</b>
Nợ phải trả của bộ phận	1.304.672.932.662	230.873.645.054	484.925.065.576	77.407.580.031	(552.180.871.337)	1.545.698.351.986



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Nghiệp vụ các bên liên quan**

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu:

Bên liên	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	8.690.834.399
		Phải trả khác	211.777.778
		Bán hàng hoá	197.892.585.141
		Cung cấp dịch vụ	771.120.000
		Lãi ứng vốn	768.527.778
		Mua hàng hoá	26.041.223.440

**3. Thông tin khác**


	Kế hoạch 2012	Năm 2012	Năm 2011
Tổng Doanh thu	9.800.000.000.000	9.031.666.027.617	9.008.857.676.682
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông	80.000.000.000	58.772.282.183	72.413.346.703

- Doanh thu thực hiện năm 2012 đạt 92,16% kế hoạch và tăng 0,25% so với năm 2011.
- Lợi nhuận thực hiện năm 2012 chỉ đạt 73,5% so với kế hoạch và 81,16% so với năm 2011
- Trong năm 2012, giá thép thị trường và nhu cầu giảm mạnh do khủng hoảng kinh tế-tài chính tại Việt Nam, ảnh hưởng đến Công ty SMC không thể duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận như dự kiến. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản đóng băng, sản xuất hàng tiêu dùng đình trệ, cùng với tính thanh khoản kém làm thị trường cung ứng sắt thép bị thu nhỏ dẫn đến tình trạng cạnh tranh khốc liệt.
- Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế, nên tình hình thanh khoản của các khách hàng rất khó khăn, gây biến động không tốt đến quy trình thu hồi công nợ của Công ty. SMC đang cố gắng kiểm soát và thu hồi nợ đọng nhằm hạn chế mức trích dự phòng phải thu ở mức thấp nhất, nhằm giảm thiểu chi phí trích lập dự phòng có khả năng tăng cao trong năm 2012.

	Quý IV	
	Năm 2012	Năm 2011
Tổng Doanh thu	2.227.703.667.953	2.264.127.183.277
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông	17.745.945.317	943.219.722

Doanh thu Quý IV/2012 ổn định và thấp hơn 2% so với cùng kỳ. Giá thép tại thị trường trong và ngoài nước liên tục biến động theo hướng giảm, thị trường sắt thép bị giảm sức mua dẫn đến xảy ra tình trạng cạnh tranh, nên Công ty phải giảm giá bán ở mức độ phù hợp, làm lợi nhuận gộp giảm 5% so với cùng kỳ quý IV năm 2011. Trong Quý IV 2012, Công ty giảm được 17% chi phí lãi vay khi tình hình lãi suất ổn định. Dự phòng đầu tư tài chính Quý IV/2012 giảm 94% do không trích lớn như cùng kỳ 2011 do giá chứng khoán Công ty đầu tư ổn định và không biến động lớn như năm 2011. Doanh thu tài chính Công ty tăng do được chi cổ tức từ các chứng khoán đầu tư cũng như tăng lượng cổ phiếu bán ra trong Quý IV so với cùng kỳ 2011.

  
 Đỗ Doãn Thành Công  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Bình Trọng  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 20 tháng 01 năm 2013